

Bản án số: 141/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 6 - 2019

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI NHƠN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Diện

2. Ông Nguyễn Hữu Phước

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Nhơn tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Đình – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 362/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2019/QĐXX-ST ngày 05 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1980 (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn LT2, xã HP, huyện H, tỉnh B.

Địa chỉ: K2, phường TTN, Q12, Thành phố H.

2. *Bị đơn:* Anh Phan Văn Ch, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn LT2, xã HP, huyện H, tỉnh B.

(Anh Ch đề nghị xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ *Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày:*

Về hôn nhân: Chị Đ và anh Ch kết hôn ngày 08/11/1999, có đăng ký

kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HP. Thời gian chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, anh Ch không lo làm ăn, suốt ngày uống rượu say xỉn, đánh đập vợ con. Chị Đ đã nhiều lần nộp đơn yêu cầu ly hôn nhưng được hòa giải để đoàn tụ. Tuy nhiên, anh Ch vẫn không thay đổi, vợ chồng không có hạnh phúc, chị Đ đã vào Thành phố H làm ăn và ly thân anh Ch từ năm 2017. Nay chị Đ yêu cầu ly hôn anh Ch.

Về con chung: Chị Đ và anh Ch có hai con chung. Con tên Phan Thị N Y sinh ngày 08/9/2000 đã trưởng thành, có khả năng lao, không bị mất năng lực hành vi dân sự nên chị Đ không có yêu cầu gì. Khi ly hôn chị Đ yêu cầu nuôi con tên Phan Minh T sinh ngày 11/4/2009 và không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng cho con.

Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

+ *Tại Biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Phan Văn Ch trình bày:*

Về hôn nhân: Anh Ch và chị Đ kết hôn năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HP. Vợ chồng có đôi lúc mâu thuẫn nhưng không lớn, chị Đ thường đi làm ăn xa, không có nhà, không chăm lo tốt cho gia đình. Nay chị Đ yêu cầu ly hôn thì anh Ch đồng ý.

Về con chung: Có hai con chung tên Phan Thị N Y sinh ngày 08/9/2000 và Phan Minh T sinh ngày 11/4/2009. Khi ly hôn anh Ch đồng ý để chị Đ nuôi con Phan Minh T, anh không cấp dưỡng cho con. Cháu Y đã trưởng thành, tự lo cho bản thân nên anh Ch không có yêu cầu gì.

Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

+ *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Nhơn tỉnh Bình Định:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo qui định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Đ, cho chị Đ và anh Ch ly hôn; giao con chung tên Phan Minh Tú cho chị Đ nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị Đ không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng cho con; về tài sản các bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; chị Đ phải chịu án phí theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn anh Phan Văn Ch yêu cầu xét xử vắng mặt, theo qui định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Đ và anh Ch chung sống không có hạnh phúc, đã ly thân từ năm 2017; vợ chồng đã nhiều lần đến Tòa án ly hôn nhưng sau đó được hòa giải về đoàn tụ chung sống với nhau. Vì anh Ch không thay đổi nên chị Đ

cương quyết yêu cầu ly hôn và anh Ch cũng đồng ý ly hôn. Có thể thấy, hôn nhân giữa chị Đ và anh Ch đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị Đ ly hôn anh Ch là phù hợp với thực tế và đúng qui định của pháp luật.

[3] Về nuôi con: Cháu Phan Thị N Y sinh ngày 08/9/2000 đã thành niên, có khả năng lao động, không bị mất năng lực hành vi dân sự nên sau khi chị Đ và anh Ch ly hôn không cần người nuôi dưỡng. Cháu Phan Minh T sinh ngày 11/4/2009 hiện đang ở với chị Đ; được chăm sóc, nuôi dưỡng, có cuộc sống ổn định và phát triển bình thường. Chị Đ yêu cầu nuôi con, anh Ch đồng ý và nguyện vọng của cháu T cũng muốn ở cùng chị Đ. Vì vậy, giao cháu Phan Minh T cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị Đ tự nguyện không yêu cầu anh Ch phải cấp dưỡng cho con nên được ghi nhận.

[5] Về tài sản: Các bên không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[6] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Nhơn tỉnh Bình Định về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và đúng qui định của pháp luật.

[7] Về án phí sơ thẩm: Theo qui định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Đ. Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Phan Văn Ch.

2. Về nuôi con:

2.1. Cháu Phan Thị N Y sinh ngày 08/9/2000 đã thành niên, có khả năng lao động, không bị mất năng lực hành vi dân sự nên không cần người nuôi

dưỡng. Giao cháu Phan Minh T sinh ngày 11/4/2009 cho chị Nguyễn Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng cho con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Đ không yêu cầu anh Phan Văn Ch cấp dưỡng cho con.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008314 ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Nhơn tỉnh Bình Định; chị Đ đã nộp xong.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Hoài Nhơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hồng Hoàng